

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,  
bổ sung lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức  
năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1583/QĐ-BNNMT ngày 04/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 366/TTr-SNNMT ngày 14/5/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (*cấp tỉnh*) lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai. (thủ tục hành chính được quy định tại Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP Chính phủ).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

1. Thời điểm áp dụng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thực hiện theo hiệu lực thi hành của Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thay thế Danh mục thủ tục hành chính tương ứng có số thứ tự 02 phần I Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh Giàng Quốc Hưng;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh (đ/c Tú);
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, HCC<sub>(KSTT)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Giàng Quốc Hưng**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày    /5/2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

| TT | Mã TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                          | Cách thức thực hiện                                                                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện<br>(Không phụ thuộc vào địa giới hành chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú                                                                                                                                                                             |
|----|----------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 1.014787 | Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản | Nộp hồ sơ qua một trong các hình thức sau:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính;<br>- Trực tuyến. | <b>22 ngày làm việc</b> , trong đó:<br>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ;<br>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;<br>- Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt;<br>- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại địa chỉ:<br>+ Cơ sở 1: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.<br>+ Cơ sở 2: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.<br>- Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến). | Không quy định       | - Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 54/2024/QH15);<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản (Luật số 147/2025/QH15);<br>- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;<br>- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;<br>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa | Phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện đối với khoáng sản nhóm I và khoáng sản chưa được xác định theo nhóm khoáng sản |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cách thức thực hiện | Thời hạn giải quyết      | Địa điểm thực hiện<br>(Không phụ thuộc vào địa giới hành chính) | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|----|---------|------------------------|---------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |         |                        |                     | được kết quả giải quyết. |                                                                 |                      | <p><i>thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;</li> <li>- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.</li> </ul> |         |

\* **Ghi chú:** Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được tích hợp (tổng hợp) với nội dung Quyết định số 1583/QĐ-BNNMT ngày 04/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các văn bản QPPL có hiệu lực khác.